

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÀO SƠN TÂY

TUẦN 25- KHỐI 5

Bài tập Thứ Hai

I. Tiếng Việt:

1) HS đọc 2 bài và trả lời câu hỏi dưới bài:

+ Phong cảnh Đền Hùng. (SGK Tiếng Việt 5 tập 2 . tr.68)

+ Cửa sông. (SGK Tiếng Việt 5 tập 2 . tr.74)

2. Viết đoạn mở bài theo cách gián tiếp cho bài văn tả một đồ vật thân thiết đối với em (VD: chiếc bút đẹp, cái cặp sách, quyển truyện hay, cuốn sách giáo khoa em thích....)

.....
.....
.....
.....

II. Toán:

1) Đặt tính:

$$25,6 + 12,25$$

$$126,7 - 89,34$$

$$45,6 \times 19,2$$

$$36,66 : 7,8$$

2) Tìm x

$$5,6 : x = 4$$

$$x + 3,5 = 7,8$$

3) Người ta làm một cái thùng bằng tôn dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 30 dm, chiều rộng 20 dm, chiều cao 1,5 m. Tính diện tích tôn để làm cái hộp đó. (Biết hộp đó không có nắp.)

.....
.....
.....

Bài tập Thứ Ba

I. Tiếng Việt:

Câu 1. Chọn từ ở câu trước cần lặp lại ở câu sau để điền vào chỗ trống nhằm tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn dưới đây

(1) Mùa hè, mặt trời rắc những sợi nắng vàng rực rỡ xuống không gian. (2) Tia.... nhỏ cùng các bạn vô cùng thích thú chạy nhảy khắp nơi.(3).....tràn vào vườn hoa. (4) Muôn.....bừng nở. (5) Nắng nhuộm cho những cánh.....thành muôn màu rực rỡ. (6) Những bông hoa rung rinh như vẫy chào nắng.

II. (Theo Nguyễn Hải Vân)

Câu 2. Viết đoạn kết bài theo cách mở rộng cho bài văn tả một đồ vật thân thiết đối với em (VD: chiếc bút đẹp, cái cặp sách, quyển truyện hay, cuốn sách giáo khoa em thích....)

.....
.....
.....
.....
.....

I. Toán:

1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

1 năm 5 tháng = tháng

2 ngày 1 giờ =..... giờ

1 giờ 30 phút = giờ

$\frac{1}{2}$ giờ =....phút

2 giờ 30 phút =..... phút

150 phút =..... phút =..... giây

54 giờ =.... ngày....giờ

150 giây =....phút

Bài tập Thứ Tư

Tiếng Việt:

- 1) HS viết vào vở rèn bài Chính tả “ Ai là thủy tổ loài người “ (Sách TV 5, tập 2, tr.70).
- 2) Tìm một từ đồng nghĩa với từ “ công dân” và đặt câu với từ tìm được.

.....
.....

1. Đặt một câu ghép có cặp quan hệ từ biểu thị mối quan hệ tương phản.

.....
.....

II Toán

1. Đặt tính.

2 năm 7 tháng + 5 năm 6 tháng

3 giờ 7 phút + 6 giờ 15 phút

5 phút 28 giây + 8 phút 45 giây

4 ngày 10 giờ + 2 ngày 15 giờ

- 2). Bạn Nam đi từ nhà đến trường hết 30 phút, biết bạn xuất phát từ nhà lúc 6 giờ 35 phút. Hỏi bạn Nam đến trường lúc mấy giờ?

.....
.....
.....
.....
.....

Bài tập Thứ Năm

Tiếng Việt:

- 1. Em hãy tả một đồ vật mà em yêu thích nhất. (làm vào giấy kiểm tra)**
- 2. Hãy thay thế những từ ngữ lặp lại trong câu của đoạn văn sau bằng những từ ngữ có giá trị tương đương để đảm bảo liên kết mà không lặp từ.**

Bà em vẫn thường kể cho em nghe về tấm gương hiếu học của Mạc Đĩnh Chi. Mạc Đĩnh Chi sinh ra trong gia cảnh nghèo khó, mồ côi cha, từ nhỏ phải theo mẹ vào rừng kiếm củi. Tuy hoàn cảnh là thế, nhưng Mạc Đĩnh Chi vẫn ham mê đọc sách, thường lên vào nghe thầy giảng. Buổi tối, vì nhà không có nến thắp nên Mạc Đĩnh Chi đã nghĩ ra cách bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng làm đèn. Cậu học trò thông minh, hiếu học đã quyết định dự khoa thi Đình và ông được chấm đỗ Trạng Nguyên vào năm 1304. Câu chuyện về tấm lòng hiếu học đó chính là động lực thôi thúc em cố gắng học tập thật tốt để không phụ lòng mong mỏi của bà.

Toán:

Bài 1. Đặt tính.

15 phút 20 giây – 5 phút 15 giây

55 phút 10 giây – 21 phút 25 giây

7 ngày 16 giờ - 3 ngày 15 giờ

6 năm 3 tháng – 3 năm 7 tháng

Bài 2. Mẹ bạn An đi từ nhà lúc 6 giờ 15 phút và đến cơ quan lúc 7 giờ 10 phút. Hỏi mẹ bạn An đi hết thời gian bao nhiêu phút?

Bài tập Thứ Sáu

CÂU CHUYỆN VỀ HAI BỆNH NHÂN

Hai người đàn ông lớn tuổi đều bị ốm nặng và cùng nằm trong một phòng của bệnh viện. Họ không được phép ra khỏi phòng. Một trong hai người được bố trí nằm trên chiếc giường cạnh cửa sổ. Còn người kia phải nằm suốt ngày trên chiếc giường ở góc phía trong.

Một buổi chiều, người nằm trên giường cạnh cửa sổ được ngồi dậy. Ông ấy miêu tả cho người bạn cùng phòng kia nghe tất cả những gì ông thấy ở bên ngoài cửa sổ. Người nằm trên giường kia cảm thấy rất vui vì những gì đã nghe được: ngoài đó là một công viên, có hồ cá, có trẻ con chèo thuyền, có thật nhiều hoa và cây, có những đôi vợ chồng già dắt tay nhau đi dạo mát quanh hồ.

Nhưng rồi đến một hôm, ông nằm bên cửa sổ bất động. Các cô y tá với vẻ mặt buồn đến đưa đi và ông ta qua đời. Người bệnh nằm ở phía giường trong đề nghị cô y tá chuyển ông ra nằm ở giường cạnh cửa sổ. Cô y tá đồng ý. Ông chậm chạp chống tay để ngồi lên. Ông nhìn ra cửa sổ ngoài phòng bệnh. Nhưng ngoài đó chỉ là một bức tường chắn.

Ông ta gọi cô y tá và hỏi tại sao người bệnh nằm ở giường này lại miêu tả cảnh đẹp đến thế. Cô y tá đáp:

- Thưa bác, ông ấy bị mù. Thậm chí cái bức tường chắn kia, ông ấy cũng chẳng nhìn thấy. Có thể ông ấy chỉ muốn làm cho bác vui thôi !

Theo Hạt giống tâm hồn

Em đọc thầm bài văn “*Câu chuyện về hai bệnh nhân*” và khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D trước ý trả lời đúng:

Câu 1: Hai người đàn ông nằm viện không được phép ra khỏi phòng vì:

- A. Cả hai người đều lớn tuổi và bị ốm nặng.
- B. Cả hai người đều mắc bệnh truyền nhiễm.
- C. Họ thích ở trong phòng nghỉ ngơi, thư giãn.
- D. Họ sẽ không hết bệnh nếu đi ra ngoài.

Câu 2: Người nằm trên giường cạnh cửa sổ miêu tả cho người bạn cùng phòng thấy được cuộc sống bên ngoài cửa sổ như thế nào?

- A. Cuộc sống thật yên ả, tĩnh lặng.
- B. Ngoài đó là một công viên, có hồ cá, có trẻ con chèo thuyền, có thật nhiều hoa và cây, có những đôi vợ chồng già dắt tay nhau đi dạo mát quanh hồ.

- C. Cuộc sống thật ồn ào, náo nhiệt.
- D. Cuộc sống thật nhộn nhịp, tấp nập.

Câu 3: Khi được chuyển ra nằm gần cửa sổ, người bệnh nằm giường phía trong thấy ngạc nhiên về điều gì?

- A. Cảnh tượng bên ngoài còn đẹp hơn lời người bạn miêu tả.
- B. Cảnh tượng bên ngoài không đẹp như lời người bạn miêu tả.
- C. Ngoài cửa sổ chỉ là một bức tường chắn, không có gì khác.
- D. Ngoài cửa sổ chỉ là một mảnh đất trống không một bóng người.

Câu 4: Theo em, tính cách của người bệnh nhân mù có gì đáng quý?

- A. Lạc quan, yêu đời, muốn đem niềm vui đến cho người khác.
- B. Thích tưởng tượng bay bổng, có tâm hồn bao la rộng mở.
- C. Có tâm hồn bao la rộng mở, tha thiết yêu quý cuộc sống.
- D. Yêu quý cuộc sống bản thân, vui vẻ với bạn cùng phòng

Câu 5: Khi bạn em gặp chuyện không vui, em sẽ làm gì để an ủi bạn?

.....

.....

.....

Câu 6: Hai câu văn “*Người bệnh nằm ở phía giường trong đề nghị cô y tá chuyển ông ra nằm ở giường cạnh cửa sổ. Cô y tá đồng ý.*” được liên kết với nhau bằng cách nào?

- A. Bằng từ ngữ nói.
- B. Bằng cách lặp từ ngữ.
- C. Bằng cách thay thế từ ngữ.
- D. Bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa.

Câu 7: Đặt một ghép có cặp quan hệ từ biểu thị mối quan hệ “nguyên nhânkết quả”.

.....

.....

Toán:

1) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

2 ngày = giờ

2,5 giờ = phút

1 giờ 36 phút = giờ

1,5 phút = giây

2)Đặt tính:

10 giờ 23 phút + 3 giờ 15 phút

6,5 giờ + 9,2 giờ

11 iờ 26 phút – 5 giờ 42 phút
giây

8 phút 14 giây – 5 phút 25

2) Một người đi xe máy từ Sài Gòn lúc 7 giờ 25 phút và về đến Vũng Tàu lúc 10 giờ 5 phút . Hỏi người đó đi hết thời gian bao lâu ?

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN BÀI TẬP THỨ HAI

III. Toán:

1. Đặt tính: (chú ý cách trình bày)

$$25,6 + 12,25 = 37,85$$

$$126,7 - 89,34 = 37,36$$

$$45,6 \times 19,2 = 875,52$$

$$36,66 : 7,8 = 4,7$$

2. Tìm x

$$5,6 : x = 4$$

$$x + 3,5 = 7,8$$

$$x = 5,6 : 4$$

$$x = 7,8 - 3,5$$

$$x = 1,4$$

$$x = 4,3$$

3. Giải

Đổi $30 \text{ dm} = 3 \text{ m}$; $20 \text{ dm} = 2 \text{ m}$

Diện tích xung quanh thùng tôn là:

$$(3 + 2) \times 2 \times 1,5 = 15 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích tôn để làm nên thùng đó là:

$$15 + (3 \times 2) = 21 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 21 m^2

ĐÁP ÁN BÀI TẬP THỨ BA

Tiếng Việt:

Câu 1. Chọn từ ở câu trước cần lặp lại ở câu sau để điền vào chỗ trống nhằm tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn dưới đây

(1) Mùa hè, mặt trời rắc những sợi nắng vàng rực rỡ xuống không gian. (2) Tia **nắng** nhỏ cùng các bạn vô cùng thích thú chạy nhảy khắp nơi. (3) **nắng** tràn vào vườn hoa. (4) Muôn **hoa** bừng nở. (5) Nắng nhuộm cho những cánh **hoa** thành muôn màu rực rỡ. (6) Những bông hoa rung rinh như vẫy chào nắng.

(Theo Nguyễn Hải Vân)

Toán:

1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

1 năm 5 tháng = 17 tháng

2 ngày 1 giờ = 25 giờ

1 giờ 30 phút = 1,5 giờ

$\frac{1}{2}$ giờ = 30 phút

2 giờ 30 phút = 150 phút

150 phút = 2 giờ 30 giây

54 giờ = 2 ngày 6 giờ

150 giây = 2,5 phút

ĐÁP ÁN BÀI TẬP THỨ TƯ

3) Tìm một từ đồng nghĩa với từ “ công dân” và đặt câu với từ tìm được.

- Từ đồng nghĩa với công dân : nhân dân,
- Đặt câu: Nhân dân chúng tôi rất đoàn kết.

2. Đặt một câu ghép có cặp quan hệ từ biểu thị mối quan hệ tương phản.

- Tuy bạn Nam đã cố gắng trong việc học nhưng kết quả của bạn ấy chưa đạt như mong muốn.

Toán

1. Đặt tính.

2 năm 7 tháng

+ 5 năm 6 tháng

7 năm 13 tháng Hay 8 năm 1 tháng

3 giờ 7 phút

+ 6 giờ 15 phút

9 giờ 22 phút

5 phút 28 giây

+ 8 phút 45 giây

13 phút 73 giây hay 14 phút 13 giây

4 ngày 10 giờ

+ 2 ngày 15 giờ

6 ngày 25 giờ hay 7 ngày 1 giờ

2. Giải

Bạn Nam đến trường lúc:

$$6 \text{ giờ } 35 \text{ phút} + 30 \text{ phút} = 7 \text{ giờ } 5 \text{ phút}$$

Đáp số; 7 giờ 5 phút

ĐÁP ÁN BÀI TẬP THỨ NĂM

3. Hãy thay thế những từ ngữ lặp lại trong câu của đoạn văn sau bằng những từ ngữ có giá trị tương đương để đảm bảo liên kết mà không lặp từ.

Bà em vẫn thường kể cho em nghe về tấm gương hiếu học của Mạc Đĩnh Chi. Cậu sinh ra trong gia cảnh nghèo khó, mồ côi cha, từ nhỏ phải theo mẹ vào rừng kiếm củi. Tuy hoàn cảnh là thế, nhưng Mạc Đĩnh Chi vẫn ham mê đọc sách, thường lén vào nghe thầy giảng. Buổi tối, vì nhà không có nến thắp nên cậu đã nghĩ ra cách bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng làm đèn. Cậu học trò thông minh, hiếu học đã quyết định dự khoa thi thi Đình và ông được chấm đỗ Trạng Nguyên vào năm 1304. Câu chuyện về tấm lòng hiếu học đó chính là động lực thôi thúc em cố gắng học tập thật tốt để không phụ lòng mong mỏi của bà.

Toán:

Bài 1. Đặt tính.

15 phút 20 giây

55 phút 10 giây

Hay

54 phút 70 giây

– 5 phút 15 giây

– 21 phút 25 giây

– 21 phút 25 giây

10 phút 5 giây

33 phút 45 giây

7 ngày 16 giờ

6 năm 3 tháng

Hay

5 năm 15 tháng

- 3 ngày 15 giờ

– 3 năm 7 tháng

– 3 năm 7 tháng

4 ngày 1 giờ

2 năm 8 tháng

Bài 2.**Giải**

Mẹ bạn An đi hết thời gian là:

$$7 \text{ giờ } 10 \text{ phút} - 6 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 55 \text{ phút}$$

Đáp số: 55 phút

ĐÁP ÁN BÀI TẬP THỨ SÁU

Câu 1A; câu 2 B; câu 3C; câu 4A; câu 6A;

Câu 5 Khi bạn buồn, gặp chuyện không vui thì em hỏi thăm, lắng nghe, động viên, an ủi bạn. Có thể là kể chuyện vui....

Câu 7: Đặt một ghép có cặp quan hệ từ biểu thị mối quan hệ “nguyên nhânkết quả”.

- Vì bạn Nam không thuộc bài mà cả lớp bị phê bình.

Toán:

4) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$2 \text{ ngày} = \dots\dots \text{ giờ}$$

$$2,5 \text{ giờ} = \dots\dots \text{ phút}$$

$$2 \text{ giờ } 36 \text{ phút} = \dots\dots \text{ giờ}$$

$$1,5 \text{ phút} = \dots\dots \text{ giây}$$

2)Đặt tính:

$$10 \text{ giờ } 23 \text{ phút} + 3 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$$

$$6,5 \text{ giờ} + 9,2 \text{ giờ}$$

$$12 \text{ giờ } 26 \text{ phút} - 5 \text{ giờ } 42 \text{ phút}$$

giây

$$8 \text{ phút } 14 \text{ giây} - 5 \text{ phút } 25$$

3) Một người đi xe máy từ Sài Gòn lúc 7 giờ 25 phút và về đến Vũng Tàu lúc 10 giờ 5 phút .
Hỏi người đó đi hết thời gian bao lâu ?

BÀI ÔN TẬP TIẾNG ANH CUỐI TUẦN KHỐI 5

Unit 9: Lesson 1-2

A. BÀI HỌC

I/ WORDS: Các em viết vào vở mỗi từ 2 dòng:

1. the future: tương lai
2. travel: du lịch
3. the sun: mặt trời
4. planets: các hành tinh
5. rocket: tên lửa
6. astronaut: nhà du hành
7. star: ngôi sao
8. spaceship: tàu vũ trụ

II/GRAMMAR: Các em viết vào vở mỗi cấu trúc câu 1 lần

- People **will travel** in super-fast planes.
 - There **won't be** any more long plane trips.
 - **Will** they **go** back to Viet Nam? Yes, they **will**.
 - **Will** they **miss** our vacation? **No**, they **won't**.
-

B. BÀI TẬP

I. Write “will” or “won’t”.

In the future, maybe people (0) will go to the moon for vacations. They

(1).....travel by rocket or spaceship. They (2).....travel by airplane.

They (3)..... wear astronauts' clothes. They (4).....eat normal food.

They (5).....eat space food through a tube. But they (6).....get out of the spaceship. It (7).....be too dangerous.

They (8).....see amazing things!

II. Put the words in the correct order to make sentences.

Example:

0. it/ happen/ will/ really?

⇒ Will it really happen?

1. normal food/ eat/ they/ will?

2. eat/ they/ will/ space food.

3. she/ will/ take/ raincoat/ her?

4. go/ we/ won't/ to/ school/ on Sunday.

5. won't/ he/ wear/ school/ uniform/ his.

ĐÁP ÁN BÀI ÔN TẬP TIẾNG ANH CUỐI TUẦN KHỐI 5

I.

1. will
2. won't
3. will
4. won't
5. will
6. won't
7. will
8. will

II.

1. Will they eat normal food?
2. They will eat space food.
3. Will she take her raincoat?
4. We won't go to school on Sunday.
5. He won't wear his school uniform.